

Bản án số: 15/2020/HS - ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Thăng Bắc
2. Ông Dương Văn Mạo.

- Thư ký phiên toà: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trọng Hữu; Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 và 31 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST - HS, ngày 15 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Triệu Thị Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 11 năm 1972 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 7, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Thanh V (Đã chết) và con bà Hoàng Thị L; Chồng: Nguyễn Văn Th (Đã chết); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019, bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Âu Thị H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 10 năm 1972 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 9, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Âu Văn L và con bà Vi Thị Nh (Đã chết); Chồng: Tạ Văn Q; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2001. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019, bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Lương Thị X (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26 tháng 12 năm 1968 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 9, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn D (Đã chết) và con bà Chu Thị L (Đã chết); Chồng: Hoàng Văn T; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1992. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Công Tuấn A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16 tháng 10 năm 1997 tại huyện D, tỉnh Hà Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 5, thị trấn , huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và con bà Phạm Thị Th; Vợ: Nông Thị Bình Y (Không đăng ký kết hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2015. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019, bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Duy B (tên gọi khác: Thắng), sinh ngày 12 tháng 02 năm 1992 tại huyện T, tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Duy B1 và con bà Phạm Thị H; Vợ: Hứa Thị Th; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nông Thị B (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13 tháng 12 năm 1979 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn Ch và con bà Vi Thị B; Chồng: Hoàng Văn D; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019, bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Đặng Thị Ph (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 8 năm 1976 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 8, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Kh (Đã chết) và con bà Vũ Thị T; Chồng: Lưu Văn N; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Cao Thị V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 12 năm 1960 tại huyện G, tỉnh Nam Định; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn B (Đã chết) và con bà Lê Thị Th (Đã chết); Chồng: Lương Văn M; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1988. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị Q (tên gọi khác: Không), sinh ngày 22 tháng 10 năm 1968 tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay tại: T 7, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và con bà Đỗ Thị B; Chồng: Dương Văn Th (Đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2008. Tiền án: Không, Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nông Thị B:* Bà Nông Thị Chiên - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Văn Th, sinh năm 1986; Trú tại Thôn B, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

* *Những người làm chứng:*

1. Anh Triệu Văn B - sinh năm 1988. Trú tại: Thôn Kh, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1984. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

3. Anh Lê Văn L - sinh năm 1968. Trú tại: T 2, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

4. Anh Vũ Kim Tr - sinh năm 1983. Trú tại: T 7, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Ngọc Kh - sinh năm 1989. Trú tại: T 5, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Trường Th - sinh năm 1979. Trú tại: T 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Tuấn U' - sinh năm 1977. Trú tại: X 1, thôn N, xã Ch, huyện M, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

8. Anh Hoàng Văn H - sinh năm 1986. Trú tại: Thôn B, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

9. Anh Luân Văn V - sinh năm 1981. Trú tại: Thôn , xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

10. Chị Lê Thị H - sinh năm 1981. Trú tại: T 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

11. Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1972. Trú tại: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)
12. Anh Hoàng Văn D - sinh năm 1977. Trú tại: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt)
13. Anh Hoàng Văn Q - sinh năm 1982. Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)
14. Anh Triệu Văn H - sinh năm 1972. Trú tại: Thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)
15. Anh Mông Văn G - sinh năm 1972. Trú tại: Thôn P, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện và lập biên bản đối với Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968; Trú tại: T 7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có hành vi ghi (bán) số lô, số đề trái phép cho Mông Văn G, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn P, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Tang vật tạm giữ 01(Một) điện thoại di động của Nguyễn Thị Q dùng để ghi số lô, số đề và số tiền 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền của Mông Văn G mua số lô, số đề với Nguyễn Thị Q. Nguyễn Thị Q thừa nhận bán số lô, số đề trái phép cho những người đến mua với mình, sau đó chuyển bảng lô, đề cho Âu Thị H, sinh năm 1972; Trú tại: T 9, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Lê Công Tuấn A, sinh năm 1997; Trú tại: T 5, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Triệu Thị Th, sinh năm 1972; Trú tại T 7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme của Nguyễn Thị Q lắp 02 số thuê bao 0387.710.668 và 0867.911.968. Qua kiểm tra, phát hiện có nhiều tin nhắn đi, đến có nội dung mua, bán số lô, số đề trái phép với các đối tượng Âu Thị H có số thuê bao 0963.842.569, Lê Công Tuấn A có số thuê bao 0393.915.489 và Triệu Thị Th có số thuê bao 0399.527.155.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã khám xét khẩn cấp đối với người, nhà ở, công trình phụ cận của các đối tượng Lê Công Tuấn A, Âu Thị H và Triệu Thị Th. Kết quả khám xét như sau:

* Đối với Lê Công Tuấn A ở T 5, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn: Thu giữ tại túi quần bên phải đang mặc của Tuấn A 02 điện thoại di động, trong đó 01 chiếc nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, 01 chiếc nhãn hiệu Iphone màu đen, đã qua sử dụng; thu giữ tại túi quần sau bên trái đang mặc số tiền 5.100.000 đồng; thu giữ tại nhà số tiền 151.000 đồng; 12 sổ ghi chép có ghi nhiều chữ và số; 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu ASUS, máy đã qua sử dụng (Tại các bút lục 75,76).

* Đối với Âu Thị H ở T 9, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn: Tại thời điểm Công an huyện B tiến hành khám xét nhà ở, công trình phụ cận của Âu Thị H phát hiện vụ việc đánh bạc bằng hình thức đánh sâm tại tầng 1, Cơ quan điều tra phát hiện Âu Thị H và Nông Thị B đang thực hiện việc mua bán số lô, số đề ở tầng hai.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ của Âu Thị H các đồ vật, tài liệu gồm: 17 quyển vở học sinh; 01 tập giấy phôi tờ gồm 16 tờ; 02 quyển sổ; 02 bút bi; 04 điện thoại di động trong đó có 02 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Vivo, 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG, 01 điện thoại bàn phím đỏ đen nhãn hiệu Masstel và 01 máy tính nhãn hiệu Casio; thu trên người Nông Thị B số tiền 5.060.000 đồng (Tại các bút lục 565, 566).

* Đối với Triệu Thị Th ở T 7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn: Qua khám xét đã thu giữ 02 quyển sổ; 02 quyển vở, trong đó 01 quyển bị cháy một nửa; 20 tờ giấy, 02 bìa vở, 04 tờ hóa đơn, 01 điện thoại di động có bàn phím nhãn hiệu Nokia màu trắng, đen (Tại các bút lục 369, 370).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được các bị cáo Lê Công Tuấn A, Triệu Thị Th, Âu Thị H, Nông Thị B, Nguyễn Thị Q đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán trái phép số lô, số đề cho người khác để thu lợi bất chính, đến ngày 23/8/2019 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện và bắt giữ.

Cách thức các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc như sau: Để bán số lô, số đề cho những người chơi, các bị cáo sử dụng điện thoại di động của cá nhân để hàng ngày nhận tin nhắn từ người chơi. Khi bán số lô, số đề trái phép cho người chơi và thỏa thuận hàng ngày trước khi Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng, những người tham gia chơi lô, đề sẽ gửi tin nhắn mua số lô, số đề cho các bị cáo, còn các bị cáo sau khi nhận được tin nhắn mua số lô, số đề từ người chơi sẽ nhắn tin trả lời người chơi với nội dung là “Ok”, “Ok 1”, “Ok 2”... hoặc “Nhan 1 tin”, “Nhan 2 tin” .. lần lượt theo số tin nhận được, khi đã nhắn tin trả lời thì đồng nghĩa với việc các bị cáo đồng ý bán số lô, số đề cho người chơi. Các bị cáo bán số lô, số đề trái phép với giá thỏa thuận là từ 21.700 đồng đến 22.000 đồng/ 01 điểm lô nếu trúng sẽ được 80.000 đồng/ 1 điểm lô; nếu đánh 100.000 đồng tiền đề, ba càng, lô xiên, xiên quay thì các bị cáo thu của người chơi từ 72.000 đồng đến 80.000 đồng; Người chơi trúng 1.000 đồng tiền đề sẽ được 70.000 đồng, lô xiên tùy theo là xiên 2, xiên 3, xiên 4 sẽ lần lượt gấp 10 lần, 40 lần, 100 lần số tiền mua, xiên quay gấp 10 lần số tiền mua, ba càng gấp 350 lần số tiền mua. Sau khi có kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc đối chiếu những con số lô, số đề người chơi mua với kết quả các giải, số đề đối chiếu với hai số cuối giải đặc biệt, số lô, lô xiên đối chiếu với hai số cuối các giải từ giải nhất đến giải bảy và giải đặc biệt, ba càng đối chiếu với ba số cuối của giải đặc biệt để tính thắng thua; tùy từng người chơi các bị cáo thống nhất chưa thanh toán tiền mặt từng ngày cho nhau ngay mà khi thắng thua từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng thì mới thanh toán cho nhau. Cụ thể:

1. Bị cáo Lê Công Tuấn A: Từ tháng 10/2018 đến ngày 23/8/2019, Tuấn A sử dụng một điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu đen, số thuê bao 0327.842.222 và một điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đen, số thuê bao 0393.915.489 có cài đặt phần mềm LotoproVietnam xoso (đây là phần mềm xử lý tin nhắn, tính tiền, cộng bảng cho đại lý lô tô theo xổ số). Hàng ngày Tuấn A nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ người chơi qua số thuê bao 0393.915.489 khi tin nhắn đến phần mềm LotoproVietnam xoso sẽ tự động cập nhật số lô, số đề đó; nếu người chơi nhắn tin đến số thuê bao 0327.842.222 ở máy Iphone thì Tuấn A sẽ gửi tin nhắn đến số thuê bao 0393.915.489 để phần mềm LotoproVietnam xoso cập nhật các số lô, số đề mà người chơi mua (02 số thuê bao trên không đăng ký chính tên Tuấn A nhưng Tuấn A sử dụng liên tục từ năm 2018 đến nay và chỉ mình Tuấn A sử dụng). Sau khi có kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày, phần mềm LotoproVietnam xoso sẽ tự đối chiếu với số lô, số đề đã nhập trước đó để tính ra kết quả thắng, thua lô, đề. Dựa trên kết quả của phần mềm, Tuấn A sẽ thông báo kết quả thắng, thua cho người chơi, sau đó Tuấn A xóa số lô, số đề đã nhập của ngày hôm đó trên phần mềm, không lưu lại dữ liệu.

Ngày 23/8/2019, tại cửa hàng điện thoại di động của mình ở t 5, thị trấn Ch, huyện B, Lê Công Tuấn A đã bán số lô, số đề trái phép cho Vũ Duy B, Nguyễn Thị Q, Triệu Văn B, Nguyễn Văn T. Cụ thể:

- Khoảng 18 giờ, điện thoại có số thuê bao 0327.842.222 của Tuấn A nhận được tin nhắn từ số thuê bao 0965.594.299 của anh Th (có họ tên đầy đủ là Vũ Duy B, Tuấn A thường gọi là Th ở xã Đ, huyện B) với nội dung mua 02 số lô trị giá 17.600.000 đồng, Tuấn A đã nhắn tin trả lời lại “Ok”, đồng ý bán 02 số lô trên cho Vũ Duy B. Sau đó, B tiếp tục nhắn tin mua 18 số đề trị giá 4.300.000 đồng, Tuấn A nhận được tin nhắn nhưng chưa kịp trả lời đồng ý bán cho B thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ. Ngoài ra Tuấn A còn thừa nhận trước ngày bị bắt, B có nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo với số tiền khoảng hơn 3.000.000 đồng, sau đó B đã chuyển khoản trả cho Tuấn A qua số tài khoản ngân hàng của nhân viên Viettel số tiền 17.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng là tiền B thua đề với Tuấn A, số tiền còn lại là 14.000.000 đồng là tiền không liên quan đến việc chơi số đề (Tại các bút lục 105 đến 107; 115 đến 130; 133 đến 144; 204 đến 222).

- Khoảng 17 giờ, điện thoại có số thuê bao 0393.915.489 của Tuấn A nhận được 02 tin nhắn từ số thuê bao 0387.710.668 của Nguyễn Thị Q với nội dung mua 41 số lô, 50 số đề với tổng số tiền là: 4.769.000 đồng. Tuấn A đã nhắn tin lại cho Q với nội dung “Nhan 2 tin” (nghĩa là nhận 02 tin), đồng ý bán cho Q số lô, số đề trên (Tại các bút lục 97 đến 104; 115 đến 130; 133 đến 144).

- Cùng ngày, Lê Công Tuấn A còn bán cho Triệu Văn B 02 số lô, 18 số đề, 02 số ba càng với tổng số tiền là: 3.900.000 đồng. Bán cho Nguyễn Văn T 01 số lô với tổng số tiền là: 660.000 đồng.

Ngoài ra, Lê Công Tuấn A còn bán số lô, số đề trái phép cho: Số thuê bao 0383.833.475 là 15 số lô, 16 số đề, 01 số ba càng, 01 số lô xiên với tổng số tiền là: 18.780.000 đồng; số thuê bao 0382.667.563 là 13 số lô, 45 số đề, 01 số ba càng,

01 số lô xiên với tổng số tiền là: 11.330.000 đồng. Theo Lê Công Tuấn A khai thì số thuê bao 0383.833.475 là của Nguyễn Trường Th và số thuê bao 0382.667.563 là của Lê Văn L nhưng Nguyễn Trường Th và Lê Văn L đều không thừa nhận là bản thân được sử dụng số thuê bao trên để nhắn tin mua số lô, số đề với Tuấn A. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập các tài liệu kết quả xác định được số thuê bao 0383.833.475 là thuê bao trả trước đăng ký tên Lương Thị S, sinh năm 1977, trú tại K 1, B, N, Bắc Kạn và số thuê bao 0382.667.563 cũng là thuê bao trả trước đăng ký tên Dương Văn B, sinh năm 2004, trú tại Ph, B, Bắc Kạn, S và B đều khẳng định không quen biết Lê Công Tuấn A và không được dùng các số thuê bao như trên bao giờ nên không chứng minh được ai là người sử dụng hai số thuê bao trên để nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo Tuấn A. Bản thân Nguyễn Trường Th (sinh năm 1979, trú tại T 1, thị trấn N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn) thừa nhận trong khoảng tháng 8/2019 được sử dụng số điện thoại 0333.902.899 (đăng ký chính tên Nguyễn Trường Th) để nhắn tin mua số lô, số đề với Tuấn A một vài lần, số tiền đánh mỗi lần khoảng 400.000 đồng; Lê Văn L thừa nhận ngày 22/8/2019 được sử dụng số điện thoại 0386.010.212 mua số lô, số đề với Lê Công Tuấn A với số tiền 660.000 đồng.

Trong khoảng thời gian tháng 6/2019, Lê Công Tuấn A còn được bán số lô, số đề cho Nguyễn Tuấn U' (sinh năm 1977, trú tại xã Ch, M, Hà Nội). Nguyễn Tuấn U' cũng thừa nhận được mua số lô, số đề với Tuấn A. Tuy nhiên không chứng minh được số tiền cụ thể trong việc mua, bán số lô, số đề, nên không có căn cứ xử lý.

Như vậy, trong ngày 23/8/2019, bị cáo Lê Công Tuấn A đã bán số lô, số đề trái phép cho Vũ Duy B, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T và Triệu Văn B với tổng số tiền là 31.229.000 đồng.

2. Bị cáo Triệu Thị Th: Trong khoảng đầu tháng 8/2019 đến ngày 23/8/2019, bị cáo sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 số thuê bao 0399.527.155 (số thuê bao không chính tên, bị cáo thừa nhận sử dụng số thuê bao này liên tục từ giữa năm 2018 và chỉ một mình bị cáo sử dụng được lắp trong điện thoại Iphone 6 được cài đặt mật khẩu bằng vân tay) để hằng ngày nhận tin nhắn từ người chơi. Bị cáo bán số lô, số đề cho người chơi với giá thỏa thuận là từ 21.700 đồng đến 22.000 đồng/ 01 điểm lô; 100.000 đồng tiền đề, ba càng, lô xiên, xiên quay thì bị cáo thu của người chơi 72.000 đồng. Trong thời gian trên Triệu Thị Th đã nhiều lần bán số lô, số đề trái phép cho: Âu Thị H; Nguyễn Thị Q; Phan Văn Th, sinh năm 1986 trú tại thôn B, xã C, B, Bắc Kạn (nay là xã Th, huyện Ba), số thuê bao lưu là “Anh A”. Cụ thể:

* Bán cho Âu Thị H: Khoảng 16 giờ ngày 23/8/2019, điện thoại có số thuê bao 0399.527.155 của bị cáo Triệu Thị Th nhận được 09 tin nhắn từ số thuê bao 0963.842.569 của “Tua Sleo” (tức Âu Thị H) ở t 9, thị trấn Ch, huyện B với nội dung mua 85 số lô, 138 số đề, 04 số ba càng với tổng số tiền: 42.514.000 đồng. Thời đã nhắn lại cho H “Ok3”, “Ok5” ... “Ok9” (nghĩa là đã nhận 03 tin, 05 tin ... 09 tin), cứ thêm một tin nhắn nhận được từ H thì Th nhắn tin trả lời lại cộng thêm số tin đã nhận (ví dụ: Ok3 có thêm hai tin nhắn nữa sẽ là Ok5), tổng số tin

Th nhận và trả lời lại đồng ý bán số lô, số đề cho H là 09 tin nhắn. Tin nhắn thứ 10 H nhắn cho Th đề tiếp tục mua 02 số lô, 08 số đề với tổng số tiền là 2.490.000 đồng nhưng Th chưa nhắn tin trả lời “Ok”, tức là đồng ý bán thì bị phát hiện bắt giữ. Trước đó, ngày 21/8/2019, Th đã bán cho H 109 số lô, 89 số đề, 17 số ba càng, 03 số lô xiên với tổng số tiền là 45.147.500 đồng; kết quả H trúng 24 số lô với số điểm là 420 điểm, 01 số đề với số tiền là 100.000 đồng tổng số tiền trúng thưởng là 40.600.000 đồng. Ngày 22/8/2019 là 185 số lô, 127 số đề, 14 số ba càng, 03 số lô xiên với tổng số tiền là 89.220.000 đồng; kết quả H trúng 40 số lô với số điểm là 630 điểm, tổng số tiền trúng thưởng là 50.400.000 đồng.

* Bán cho Nguyễn Thị Q: Ngày 23/8/2019, điện thoại của Th có số thuê bao 0399.527.155 nhận được 02 tin nhắn từ số thuê bao 0387.710.668 của Nguyễn Thị Q với nội dung mua 43 số lô với tổng số tiền 4.687.000 đồng. Th đã nhắn lại cho Q “Ok1”, “Ok2” (nghĩa là đã nhận 02 tin), nhất trí bán số lô, số đề cho Q.

* Bán cho Phan Văn Th có số thuê bao 0962.649.523 (đăng ký chính tên Phan Văn Th): Ngày 20/8/2019 là 02 số lô, 22 số đề, 04 số xiên quay với tổng số tiền là 2.230.000 đồng. Ngày 21/8/2019 là 01 số lô, 09 số đề, 01 số ba càng với tổng số tiền 840.000 đồng. Ngày 22/8/2019 là 02 số lô, 01 số đề với tổng số tiền 1.850.000 đồng. Kết quả Th đều không trúng thưởng.

* Đối với người sử dụng số thuê bao 0918.710.374, Th lưu trong danh bạ điện thoại là “Anh A”, Thời bán số lô số đề cho nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 21/8/2019 là 24 số lô, 14 số đề, 08 số lô xiên với tổng số tiền: 17.900.000 đồng; kết quả trúng 02 số lô với 210 điểm, tổng số tiền trúng 16.800.000 đồng;

- Ngày 22/8/2019 là 27 số lô, 23 số đề, 03 số ba càng, 04 số lô xiên với tổng số tiền 14.700.000 đồng; kết quả trúng 03 số lô với số điểm là 45 điểm, tổng số tiền trúng là 3.600.000 đồng;

- Ngày 23/8/2019 là 23 số lô, 32 số đề, 04 số lô xiên với tổng số tiền là 13.040.000 đồng.

Kết quả tài liệu thu thập được xác định số thuê bao Th lưu là “Anh A” đăng ký tên Triệu Văn H, sinh năm 1975, trú tại Th, B, Bắc Kạn tuy nhiên anh H khẳng định trước đây có đăng ký nhưng đã bỏ không sử dụng từ lâu. Do vậy không chứng minh được người sử dụng số thuê bao 0918.710.374 để mua số lô, số đề với Th là người nào nên không có căn cứ để xử lý.

Ngoài ra, lời khai của Triệu Thị Th còn thể hiện được bán số lô, số đề cho Hoàng Văn H (sinh năm 1986), Luân Văn V (sinh năm 1981), đều trú tại thôn 1, xã C, B, Bắc Kạn – nay là xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Các đối tượng Hoàng Văn H, Luân Văn V cũng thừa nhận trong thời gian khoảng tháng 7 đến tháng 8 năm 2019 có được mua số lô, số đề với Triệu Thị Th. Tuy nhiên các tài liệu thu thập không chứng minh được hành vi của H, V nên không đủ cơ sở để xử lý.

Như vậy, Triệu Thị Th phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mua và số tiền trúng lô, đề của từng ngày, cụ thể: Ngày 21/8/2019 số tiền bán số lô, số

đề và tiền trúng thưởng là 86.587.500 đồng. Ngày 22/8/2019 số tiền bán số lô, số đề và số tiền trúng thưởng tổng số tiền là 141.470.000 đồng. Ngày 23/8/2019 số tiền bán số lô, số đề với tổng số tiền là 49.691.000 đồng. Bị cáo Th đã thanh toán tiền thắng lô, đề cho Âu Thị H một lần số tiền 5.000.000 đồng và Th cũng được nhận từ Âu Thị H số tiền thua đề một lần là 5.000.000 đồng, địa điểm thanh toán đều ở tại nhà của H (Tại các bút lục 373 đến 383; 400 đến 440).

3. Bị cáo Âu Thị H: Trong khoảng thời gian đầu tháng 8/2019 đến ngày 23/8/2019 Âu Thị H sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J3 số thuê bao 0963.842.569 để nhận tin nhắn từ người chơi (số thuê bao trả sau đăng ký tên Tạ Văn Q là chồng của bị cáo, bị cáo là người sử dụng thuê bao này từ đầu năm 2018, anh Tạ Văn Q không biết H sử dụng thuê bao này để mua bán số lô, số đề). Quá trình bán số lô, số đề Âu Thị H thỏa thuận với người chơi bán với giá từ 21.800 đồng đến 22.000 đồng/01 điểm lô; 100.000 đồng tiền đề, lô xiên, ba càng thì thu của người chơi từ 75.000 đồng đến 80.000 đồng. Trong thời gian trên bị cáo H đã bán số lô, số đề trái phép cho: Nông Thị B; Đặng Thị Ph; Lương Thị X; Cao Thị V; Nguyễn Thị Q; ngoài ra còn có các đối tượng Hoàng Văn H, sinh năm 1986 trú tại thôn B 1, xã C (Nay là xã Th), B, Bắc Kạn; Lê Thị H, sinh năm 1981 trú tại t 10 nay là t 1, thị trấn C, huyện B, Bắc Kạn. Cụ thể:

* Bán cho Đặng Thị Ph: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 18 giờ ngày 23/8/2019, điện thoại có số thuê bao 0963.842.569 của Âu Thị H nhận được tin nhắn từ số thuê bao 0965.135.729 lưu là “Phuong N” (tức là Đặng Thị Ph) với nội dung mua 37 số lô, 96 số đề, 02 số lô xiên với tổng số tiền 17.045.000 đồng. H đã nhắn tin “Ok” trả lời Ph (nghĩa là đồng ý bán số lô, số đề cho Ph). Sau đó, Ph tiếp tục nhắn thêm 04 tin cho H với nội dung mua 16 số lô, 44 số đề, 09 số ba càng với tổng số tiền 3.880.000 đồng nhưng H chưa trả lời do bị phát hiện bắt giữ.

Trước đó cũng với hình thức như trên, Âu Thị H đã được bán số lô, số đề cho Ph trong các ngày cụ thể như sau:

- Ngày 09/8/2019 gồm 54 số lô, 120 số đề, 07 số ba càng, 03 số lô xiên với tổng số tiền 16.390.000 đồng; kết quả Ph trúng 14 số lô với số điểm là 130 điểm, tổng số tiền trúng thưởng là 10.400.000 đồng.

- Ngày 11/8/2019 gồm 52 số lô, 151 số đề, 09 số ba càng với tổng số tiền 16.425.000 đồng; kết quả Ph trúng 16 số lô với số điểm 210 điểm, 01 số đề với số tiền là 10.000 đồng với tổng số tiền trúng là 17.500.000 đồng;

- Ngày 14/8/2019 gồm 50 số lô, 67 số đề, 08 số ba càng với tổng số tiền 11.975.000 đồng; kết quả Ph trúng 15 số lô với số điểm là 145 điểm, tổng số tiền trúng là 11.600.000 đồng;

- Ngày 18/8/2019 gồm 44 số lô, 159 số đề, 10 số ba càng, 03 số lô xiên với tổng số tiền 16.600.000 đồng; kết quả Ph trúng 09 số lô với số điểm là 130 điểm, 03 số đề với số tiền 165.000 đồng, tổng số tiền trúng là 22.400.000 đồng;

- Ngày 19/8/2019 gồm 34 số lô, 143 số đề, 07 số ba càng, 01 số lô xiên với tổng số tiền 19.820.000 đồng; kết quả Ph trúng 04 số lô với số điểm là 35 điểm, 01 số đề với số tiền 10.000 đồng, tổng số tiền trúng là 3.500.000 đồng;

- Ngày 20/8/2019 gồm 43 số lô, 147 số đề, 09 số ba càng, 02 số lô xiên với tổng số tiền 13.615.000 đồng; kết quả Ph trúng 14 số lô với số điểm là 200 điểm, 01 số đề với số tiền là 5.000 đồng, tổng số tiền trúng là 16.350.000 đồng;

- Ngày 21/8/2019 gồm 63 số lô, 188 số đề, 10 số ba càng, 03 số lô xiên với tổng số tiền 30.625.000 đồng; kết quả Ph trúng 14 số lô với số điểm là 185 điểm, 02 số đề với số tiền 15.000 đồng, tổng số tiền trúng là 15.850.000 đồng;

- Ngày 22/8/2019 gồm 62 số lô, 171 số đề, 09 số ba càng, 04 số lô xiên với tổng số tiền 20.100.000 đồng; kết quả trúng 14 số lô với số điểm 170 điểm, 01 số đề với số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền trúng là 17.100.000 đồng;

Tất cả những ngày trên, khi nhận được tin nhắn của Ph, H đều nhắn tin trả lời “Ok”, nghĩa là H đồng ý bán số lô, số đề cho Ph.

* Bán cho Cao Thị V: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 18 giờ ngày 23/8/2019, Cao Thị V sử dụng chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh, bàn phím có số thuê bao 0356.958.239 (số thuê bao chính tên Cao Thị V) nhắn tin cho Âu Thị H qua số thuê bao 0963.842.569 được lắp trong chiếc điện thoại Samsung Galaxy J3 của H với nội dung mua 31 số lô, 40 số đề với tổng số tiền: 11.900.000 đồng nhưng H chưa kịp trả lời thì đã bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Trước ngày 23/8/2019 xác định được Âu Thị H đã nhận các tin nhắn từ số thuê bao trên của Cao Thị V với nội dung mua số đề và H đều nhắn tin trả lời “Ok”, nhất trí bán số lô, số đề cho V, cụ thể:

- Ngày 11/8/2019 là 47 số lô, 17 số đề với tổng số tiền 10.980.000 đồng. Kết quả V trúng 10 số lô với số điểm là 65 điểm, tổng số tiền trúng là 5.200.000 đồng.

- Ngày 14/8/2019 là 10 số lô, 19 số đề với tổng số tiền 5.300.000 đồng. Kết quả V trúng 02 số lô với số điểm 50 điểm, tổng số tiền trúng là 4.000.000 đồng;

- Ngày 15/8/2019 là 19 số lô, 23 số đề với tổng số tiền 11.120.000 đồng. Kết quả V trúng 05 số lô với số điểm là 150 điểm, tổng số tiền trúng là 12.000.000 đồng);

- Ngày 18/8/2019 là 08 số lô, 10 số đề với tổng số tiền 3.010.000 đồng. Kết quả V trúng 01 số lô với số điểm là 10 điểm, 01 số đề với số tiền 15.000 đồng, tổng số tiền trúng là 1.850.000 đồng;

- Ngày 19/8/2019 là 11 số lô, 23 số đề với tổng số tiền 7.410.000 đồng. Kết quả V trúng 05 số lô với số điểm là 140 điểm, tổng số tiền trúng là 11.200.000 đồng;

- Ngày 20/8/2019 là 26 số lô, 42 số đề với tổng số tiền 12.620.000 đồng. Kết quả V trúng 11 số lô với số điểm là 200 điểm tổng số tiền trúng: 16.000.000 đồng;

- Ngày 21/8/2019 là 38 số lô, 01 số đề, 01 số ba càng, với tổng số tiền 14.550.000 đồng. Kết quả V trúng 07 số lô với số điểm là 115 điểm, tổng số tiền trúng là 9.200.000 đồng;

- Ngày 22/8/2019 là 19 số lô, 20 số đề với tổng số tiền 7.400.000 đồng. Kết quả V trúng 04 số lô với số điểm là 60 điểm, tổng số tiền trúng là 4.800.000 đồng.

Cao Thị V đã thanh toán tiền thua đề cho H một lần số tiền 4.800.000 đồng, tại nhà của H.

* Bán cho Lương Thị X: Trong khoảng thời gian 18 giờ ngày 23/8/2019, Lương Thị X sử dụng điện thoại có số thuê bao 0332.116.424 nhắn tin cho Âu Thị H qua số thuê bao 0963.842.569 được lắp trong chiếc điện thoại Samsung Galaxy J3 của H với nội dung mua 02 số lô, 01 số lô xiên bốn, 01 số lô xiên hai với tổng số tiền là 4.950.000 đồng nhưng H chưa kịp nhắn tin trả lời thì bị Công an pháp hiện, bắt giữ.

Trước ngày 23/8/2019 xác định được Âu Thị H đã nhiều lần nhận các tin nhắn từ số thuê bao trên của Lương Thị X với nội dung mua số lô, số đề và H đều nhắn tin trả lời “Ok”, nhất trí bán số lô, số đề cho X, cụ thể:

- Ngày 09/8/2019 là 02 số lô, 07 số đề với tổng số tiền 1.640.000 đồng. Kết quả X không trúng.

- Ngày 11/8/2019 là 02 số lô, 04 số đề với tổng số tiền 1.140.000 đồng. Kết quả X trúng 01 số lô 20 điểm và 01 số đề 100.000 đồng với tổng số tiền trúng là 8.600.000 đồng;

- Ngày 14/8/2019 là 02 số lô với tổng số tiền là 2.200.000 đồng. Kết quả X không trúng;

- Ngày 18/8/2019 là 02 số lô, 08 số đề với tổng số tiền là 6.850.000 đồng. Kết quả X không trúng;

- Ngày 19/8/2019 là 02 số lô, 01 số đề, 02 số ba càng với tổng số tiền là 16.800.000 đồng. Kết quả X không trúng;

- Ngày 20/8/2019 là 02 số lô, 03 số lô xiên hai, 01 số lô xiên ba với tổng số tiền 18.900.000 đồng. Kết quả X trúng 01 số lô với số điểm là 450 điểm, số tiền trúng là 36.000.000 đồng;

- Ngày 21/8/2019 là 03 số lô, 02 số lô xiên hai, 01 số lô xiên ba với tổng số tiền là 4.600.000 đồng. Kết quả X trúng 01 số lô với số điểm là 100 điểm, số tiền trúng là 8.000.000 đồng.

- Ngày 22/8/2019 là 02 số lô, 01 số lô xiên hai, 01 số lô xiên ba với tổng số tiền là 4.650.000 đồng. Kết quả X không trúng.

* Bán cho Nguyễn Thị Q: Ngày 23/8/2019, điện thoại có số thuê bao 0963.842.569 của H nhận được tin nhắn từ số thuê bao 0867.911.968 lưu là “C Q”, tức là Nguyễn Thị Q với nội dung mua 43 số lô với tổng số tiền là 4.687.000 đồng. H đã nhắn lại cho Q “Ok”, nhất trí bán số lô, số đề cho Q.

* Bán cho Nông Thị B: Trong khoảng thời gian từ 06 giờ đến 17 giờ ngày 23/8/2019, điện thoại có số thuê bao 0963.842.569 của Âu Thị H nhận được tin nhắn từ số thuê bao 0375.188.391 lưu là “But” (tức là Nông Thị B) với nội dung mua 45 số lô, 78 số đề, 04 số ba càng, 01 số lô xiên với tổng số tiền 34.000.000 đồng. H đã nhắn tin “Ok” trả lời B (nghĩa là đồng ý bán số lô, số đề cho B) và bị phát hiện bắt giữ.

Trước ngày 23/8/2019 xác định được Âu Thị H đã nhiều lần nhận các tin nhắn từ số thuê bao trên của Nông Thị B với nội dung mua số đề và H đều nhắn tin trả lời “Ok”, nhất trí bán số lô, số đề cho B, cụ thể:

- Ngày 21/8/2019 là 41 số lô, 97 số đề, 02 số ba càng, 02 số lô xiên với tổng số tiền là 23.830.000 đồng. Kết quả B trúng 06 số lô với số điểm là 115 điểm, tổng số tiền trúng là 9.200.000 đồng.

- Ngày 22/8/2019 là 73 số lô, 113 số đề, 08 số ba càng, 07 số lô xiên với tổng số tiền 21.410.000 đồng. Kết quả B trúng 18 số lô với số điểm là 310 điểm, 01 số đề với số tiền là 10.000 đồng, tổng số tiền trúng là 25.500.000 đồng;

* Bán cho Lê Thị H: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/8/2019 đến 23/8/2019, Lê Thị H sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0988.968.231 nhắn tin mua các số lô, số đề với Âu Thị H có số thuê bao 0963.842.569, cụ thể: Ngày 17/8/2019 là 02 số lô, 10 số đề với tổng số tiền là 1.040.000 đồng. Ngày 18/8/2019 là 02 số lô với tổng số tiền là 1.320.000 đồng. Ngày 19/8/2019 là 04 số lô, 06 số đề với tổng số tiền là 3.640.000 đồng. Ngày 22/8/2019 là 02 số lô, 08 số đề với tổng số tiền là 1.160.000 đồng. Kết quả H đều không trúng thưởng. Ngày 21/8/2019 H mua 02 số lô, 06 số đề với tổng số tiền là 1.280.000 đồng; kết quả H trúng 01 số lô với số điểm là 20 điểm, số tiền trúng là 1.600.000 đồng. Ngày 23/8/2019 là 02 số lô, 08 số đề với tổng số tiền là 2.720.000 đồng.

* Bán cho Hoàng Văn H: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/8/2019 đến ngày 18/8/2019, Hoàng Văn H sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0968.800.056 nhắn tin mua bán số lô, số đề với Âu Thị H có số thuê bao 0963.842.569, cụ thể: Ngày 14/8/2019, 02 số đề với tổng số tiền là 200.000 đồng. Ngày 18/8/2019, 08 số đề với tổng số tiền là 400.000 đồng.

Đối với người sử dụng số điện thoại 0358.922.142, bị cáo Âu Thị H lưu trong danh bạ điện thoại là “Ứng L”, Huyền được bán cho nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 8/8/2019 là 04 số lô, 04 số đề với tổng số tiền là 2.400.000 đồng. Kết quả trúng 02 số lô với số điểm là 50 điểm, số tiền trúng là 4.000.000 đồng;

- Ngày 09/8/2019 05 số lô, 05 số đề với tổng số tiền là 3.210.000 đồng. Kết quả trúng 01 số lô với số điểm là 25 điểm, số tiền trúng là 2.000.000 đồng;

- Ngày 14/8/2019 là 02 số lô, 06 số đề với tổng số tiền là 2.560.000 đồng. Kết quả trúng 01 số lô với số điểm là 50 điểm, số tiền trúng là 4.000.000 đồng;

- Ngày 18/8/2019 là 02 số lô với tổng số tiền là 4.400.000 đồng. Kết quả trúng 01 số lô với số điểm là 100 điểm, số tiền trúng là 8.000.000 đồng;

- Ngày 19/8/2019 là 05 số lô với tổng số tiền là 5.500.000 đồng. Kết quả không trúng;

- Ngày 20/8/2019 là 02 số lô với tổng số tiền là 2.200.000 đồng. Kết quả trúng 01 số lô với số điểm là 50 điểm, số tiền trúng là 4.000.000 đồng;

- Ngày 21/8/2019 là 05 số lô, 02 số đề với tổng số tiền là 3.500.000 đồng. Kết quả trúng 03 số lô với số điểm là 90 điểm, số tiền trúng là 7.200.000 đồng;

- Ngày 22/8/2019 là 05 số lô, 10 số đề với tổng số tiền là 3.800.000 đồng. Kết quả trúng 02 số lô với số điểm là 60 điểm, số tiền trúng là 4.800.000 đồng;

- Ngày 23/8/2019 là 02 số lô, 02 số đề với tổng số tiền là 2.700.000 đồng.

Như vậy, xác định được bị cáo Âu Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mua, bán và số tiền trúng lô, đề của từng ngày, cụ thể:

+ Ngày 9/8/2019 số tiền là 28.430.000 đồng;

+ Ngày 11/8/2019 số tiền là 59.845.000 đồng;

+ Ngày 14/8/2019 số tiền là 35.275.000 đồng;

+ Ngày 15/8/2019 số tiền là 23.120.000 đồng;

+ Ngày 18/8/2019 số tiền là 52.430.000 đồng;

+ Ngày 19/8/2019 số tiền là 62.370.000 đồng;

+ Ngày 20/8/2019 số tiền là 113.485.000 đồng;

+ Ngày 21/8/2019 số tiền là 204.482.500 đồng;

+ Ngày 22/8/2019 số tiền là 241.740.000 đồng;

+ Ngày 23/8/2019 số tiền là 124.186.000 đồng.

Giữa Âu Thị H và các bị cáo khác đã thanh toán cho nhau tiền thắng, thua lô đề nhiều lần, cụ thể: H đã nhận tiền thắng lô, đề từ Triệu Thị Th một lần số tiền 5.000.000 đồng; trả tiền thua lô, đề cho Th một lần số tiền 5.000.000 đồng; thanh toán tiền thắng lô, đề cho Nông Thị B một lần số tiền 10.000.000 đồng bằng cách gửi Cao Thị V chuyển cho B; B thanh toán tiền thua lô, đề cho H một lần số tiền 8.000.000 đồng; Cao Thị V thanh toán tiền thua lô, đề cho H 01 lần số tiền 4.800.000 đồng (Tại các bút lục 612 đến 623; 647 đến 683).

4. Bị cáo Nông Thị B: Từ đầu tháng 8/2019 đến 23/8/2019, bị cáo sử dụng 01 điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ViVo màu xanh đen số thuê bao 0375.188.391 (là thuê bao trả trước, đăng ký không chính tên, bị cáo B thừa nhận mua số thuê bao này vào khoảng tháng 7/2019 và một mình bị cáo sử dụng thường xuyên liên tục) và 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel có bàn phím số thuê bao 0969.730.088 đăng ký chính tên Nông Thị B để hằng ngày nhận tin nhắn từ người chơi. Bị cáo Nông Thị B bán số lô, số đề trái phép với giá thỏa thuận là từ 22.000 đến 22.500 đồng/ 1 điểm lô, 100.000 đồng tiền đề, lô xiên, ba càng thì thu của người chơi 80.000 đồng. Những người mua số lô, số đề trái phép với B gồm: Hoàng Văn D, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã C, huyện B, Cao Bằng; Hoàng

Văn Q, sinh năm 1982 trú tại thôn B, xã Đ, huyện N, Tuyên Quang; Triệu Văn H, sinh năm 1972 trú tại thôn B, xã S, N, Tuyên Quang; Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, trú tại N, Kh, B, Bắc Kạn. Trong ngày 23/8/2019 bị can Nông Thị B đã bán trái phép số lô, số đề cụ thể:

- * Triệu Văn H 02 số lô với tổng số tiền là 450.000 đồng;
- * Hoàng Văn Q 04 số đề với tổng số tiền là 140.000 đồng;
- * Nguyễn Văn T 05 số đề với tổng số tiền là 100.000 đồng;
- * Hoàng Văn D 05 số lô, 20 số đề với tổng số tiền là 2.220.000 đồng.

Các đối tượng Triệu Văn H, Hoàng Văn Q, Nguyễn Văn T và Hoàng Văn D thừa nhận được mua với Nông Thị B số lô, số đề với số tiền như trên.

Như vậy, bị cáo Nông Thị B phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mua, bán và trúng thưởng của từng ngày, cụ thể:

+ Ngày 21/8/2019 đã mua số lô, số đề trái phép và số tiền trúng thưởng với Âu Thị H là 33.030.000 đồng;

+ Ngày 22/8/2019 đã mua số lô, số đề trái phép và số tiền trúng thưởng với Âu Thị H là 46.910.000 đồng;

+ Ngày 23/8/2019 đã mua số lô, số đề trái phép với Âu Thị H là 34.000.000 đồng và bán số lô, số đề trái phép cho Triệu Văn H, Hoàng Văn Q, Nguyễn Văn T và Hoàng Văn D với số tiền 2.910.000 đồng,

Tổng số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 36.910.000 đồng.

Nông Thị B đã thanh toán tiền thua lô, đề cho H trực tiếp một lần với số tiền là 8.000.000 đồng tại nhà của H và H cũng thanh toán cho B một lần số tiền B thắng đề là 10.000.000 đồng số tiền này H gửi qua bị cáo V cho B, về thời gian thanh toán các bị cáo đều không nhớ cụ thể (Tại các bút lục: 612 đến 619; 982 đến 1030; 1053 đến 1054; 1056; 1060 đến 1066; 1068 đến 1070).

5. Bị cáo Nguyễn Thị Q: Ngày 23/8/2019, Q bị Cơ quan điều tra phát hiện và lập biên bản về hành vi bán số lô, số đề trái phép cho Mông Văn G với số tiền 220.000 đồng. Các tài liệu thu thập được xác định ngoài hành vi trên, trong ngày 23/8/2019, Nguyễn Thị Q sử dụng số thuê bao 0387.710.668 nhắn tin đến số thuê bao 0393.915.489 của Lê Công Tuấn A (Q lưu trong danh bạ là “Coi T 2”) với nội dung mua 41 số lô, 50 số đề với tổng số tiền là 4.769.000 đồng và đã nhận được tin nhắn của Tuấn A nhắn lại là “Nhan 2 tin”, nghĩa là giao dịch mua bán đã thành công. Nguyễn Thị Q sử dụng số thuê bao 0387.710.668 nhắn tin đến số thuê bao 0399.527.155 của Triệu Thị Th (Q lưu trong danh bạ là “Em Alo Tn” với nội dung mua 43 số lô với tổng số tiền 4.687.000 đồng và đã nhận được tin nhắn của Th nhắn lại là “Ok2”, nghĩa là giao dịch mua bán đã thành công. Nguyễn Thị Q sử dụng số thuê bao 0867.911.968 nhắn tin đến số thuê bao 0963.842.569 của Âu Thị H (Q lưu trong danh bạ là “Em H xinh Đẹp”) để mua 43 số lô với tổng số tiền là 4.687.000 đồng và đã nhận được tin nhắn trả lời của H nhắn lại là “Ok”, nghĩa là giao dịch mua bán đã thành công.

Như vậy, Nguyễn Thị Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền mua, bán lô, đề trong ngày 23/8/2019 là 14.363.000 đồng (Tại các bút lục 1332; 1337 đến 1354).

6. Bị cáo Vũ Duy B: Ngày 23/8/2019, B sử dụng điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen có số thuê bao 0965.594.299 (Đăng ký chính tên Vũ Duy B) để nhắn tin vào số thuê bao 0327.842.222 mua với Lê Công Tuấn A 02 số lô 18 số đề với tổng số tiền 21.900.000 đồng . Như vậy, tổng số tiền bị cáo Vũ Duy B tham gia đánh bạc là 21.900.000 đồng.

7. Bị cáo Đặng Thị Ph: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2019 đến ngày 23/8/2019, Ph dùng số thuê bao 0965.135.729 (Số thuê bao chính tên Ph) để nhắn tin cho Âu Thị H có số thuê bao 0963.842.569 (Ph lưu trong danh bạ là “Huyền Q”) với nội dung mua số lô, số đề với Âu Thị H, sau khi gửi tin nhắn mua số lô, số đề, H đều nhắn lại “Ok”. Tài liệu thu thập được xác định Đặng Thị Ph đã có hành vi đánh bạc trái phép và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với từng ngày như sau:

- + Ngày 09/8/2019 là 26.790.000 đồng;
- + Ngày 11/8/2019 là 33.925.000 đồng;
- + Ngày 14/8/2019 là 23.575.000 đồng;
- + Ngày 18/8/2019 là 39.000.000 đồng;
- + Ngày 19/8/2019 là 23.320.000 đồng;
- + Ngày 20/8/2019 là 29.965.000 đồng;
- + Ngày 21/8/2019 là 46.475.000 đồng;
- + Ngày 22/8/2019 là 37.200.000 đồng;
- + Ngày 23/8/2019 là 20.925.000 đồng.

8. Bị cáo Cao Thị V: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/8/2019 đến 23/8/2019, V dùng số thuê bao 0356.958.329 để nhắn tin cho Âu Thị H có số thuê bao 0963.842.569 (V lưu trong danh bạ là “H Q”) với nội dung mua số lô, số đề với Âu Thị H, sau khi gửi tin nhắn mua số lô, số đề, H đều nhắn lại “Ok”. Tài liệu thu thập được xác định Cao Thị V đã có hành vi đánh bạc trái phép và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với từng ngày như sau:

- + Ngày 11/8/2019 là 16.180.000 đồng;
- + Ngày 14/8/2019 là 9.300.000 đồng;
- + Ngày 15/8/2019 là 23.120.000 đồng;
- + Ngày 18/8/2019 là 4.860.000 đồng, số tiền chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm hình sự;
- + Ngày 19/8/2019 là 18.610.000 đồng;
- + Ngày 20/8/2019 là 28.620.000 đồng;

- + Ngày 21/8/2019 là 23.750.000 đồng;
- + Ngày 22/8/2019 là 12.200.000 đồng.
- + Đối với ngày 23/8/2019 là 11.900.000 đồng.

9. Bị cáo Lương Thị X: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/8/2019 đến ngày 23/8/2019, X dùng số thuê bao 0332.116.424 để nhắn tin cho Âu Thị H có số thuê bao 0963.842.569 với nội dung mua số lô, số đề với Âu Thị H, sau khi gửi tin nhắn mua số lô, số đề, H đều nhắn lại “Ok”. Tài liệu thu thập được xác định Lương Thị X đã có hành vi đánh bạc trái phép và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với từng ngày như sau:

- + Ngày 11/8/2019 là 9.740.000 đồng;
- + Ngày 18/8/2019 là 6.850.000 đồng;
- + Ngày 19/8/2019 là 16.800.000 đồng;
- + Ngày 20/8/2019 là 54.900.000 đồng;
- + Ngày 21/8/2019 là 12.600.000 đồng;
- + Đối với các lần chơi trong các ngày 9/8 số tiền 1.640.000 đồng, ngày 14/8 số tiền 2.200.000 đồng, ngày 22/8/2019 số tiền 4.650.000 đồng, ngày 23/8/2019 là 4.950.000 đồng, số tiền của các ngày này chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm hình sự.

Như vậy, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc được xác định như sau:

- Đối với bị cáo Triệu Thị Th: Số tiền đánh bạc bằng hình thức ghi lô, đề ngày 21/8/2019 là 86.587.500 đồng; ngày 22/8/2019 là 141.470.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 49.691.000 đồng.
- Đối với bị cáo Âu Thị H: Số tiền đánh bạc ngày 09/8/2019 là 28.430.000 đồng; ngày 11/8/2019 là 59.845.000 đồng; ngày 14/8/2019 là 35.275.000 đồng; ngày 15/8/2019 là 23.120.000 đồng; ngày 18/8/2019 là 52.430.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 62.370.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 113.485.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 204.482.500 đồng; ngày 22/8/2019 là 241.740.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 124.186.000 đồng.
- Đối với bị cáo Lương Thị X: Số tiền đánh bạc là 11/8/2019 là 9.740.000 đồng; ngày 18/8/2019 là 6.850.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 16.800.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 54.900.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 12.600.000 đồng.
- Đối với bị cáo Lê Công Tuấn A: Số tiền đánh bạc ngày 23/8/2019 là 31.229.000 đồng.
- Đối với bị cáo Vũ Duy B: Số tiền đánh bạc ngày 23/8/2019 là 21.900.000 đồng.
- Đối với bị cáo Nông Thị B: Số tiền đánh bạc ngày 21/8/2019 là 33.030.000 đồng; ngày 22/8/2019 là 46.910.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 36.910.000 đồng.

- Đối với bị cáo Đặng Thị Ph: Số tiền đánh bạc ngày 09/8/2019 là 26.790.000 đồng; ngày 11/8/2019 là 33.925.000 đồng; ngày 14/8/2019 là 23.572.000 đồng; ngày 18/8/2019 là 39.000.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 23.320.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 29.965.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 46.475.000 đồng; ngày 22/8/2019 là 37.200.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 20.925.000 đồng.

- Đối với bị cáo Cao Thị V: Số tiền đánh bạc ngày 11/8/2019 là 16.180.000 đồng; ngày 14/8/2019 là 9.300.000 đồng; ngày 15/8/2019 là 23.120.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 18.610.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 28.620.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 23.750.000 đồng; ngày 22/8/2019 là 12.200.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 11.900.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Q: Số tiền đánh bạc ngày 23/8/2019 là 14.363.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSBB ngày 04/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Nông Thị B, Đặng Thị Ph, Cao Thị V, Lê Công Tuấn A, Vũ Duy B, Nguyễn Thị Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Triệu Thị Th, Âu Thị H, Lương Thị X về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nông Thị B, Đặng Thị Ph, Cao Thị V, Lê Công Tuấn A, Vũ Duy B, Nguyễn Thị Q, Triệu Thị Th, Âu Thị H, Lương Thị X phạm tội “Đánh bạc”

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 54/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Triệu Thị Th từ 24 - 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 54/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Âu Thị H từ 24 - 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 54/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Lương Thị X từ 24 - 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Nông Thị B từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Ph từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”,

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Cao Thị V từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”,

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Lê Công Tuấn A từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Vũ Duy B từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”,

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Do các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo không có tính khả thi. Do vậy miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35/BLHS: Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Q từ 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) về tội “*Đánh bạc*”

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS:

- Đối với 01 điện thoại SAMSUNG màu đen và 01 điện thoại Iphone màu đen, đều đã qua sử dụng của Lê Công Tuấn A; 01 điện thoại SAMSUNG của Âu Thị H; 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia có bàn phím màu trắng, đen của Triệu Thị Th; 01 điện thoại Vivo màu xanh đen và 01 điện thoại Masstel có bàn phím màu đỏ đen của Nông Thị B; 01 điện thoại Realme màu xanh đen, màn hình cảm ứng của Nguyễn Thị Q; 01 điện thoại OPPO màu đen của Vũ Duy B; 01 điện thoại OPPO màu vàng đồng của Đặng Thị Ph; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh có bàn phím của Cao Thị V đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu để hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu ASUS, máy đã qua sử dụng và số tiền 5.251.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) của Lê Công Tuấn A không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) của Triệu Thị Th không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại Vivo màu đen của Âu Thị H không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Đối với số tiền 5.060.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) của Nông Thị B không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) của Nguyễn Thị Q đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG J7 prime màu vàng gold, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Phan Văn Th, xét thấy cần trả lại cho Phan Văn Th.

- Đối với 12 sổ ghi chép có ghi nhiều chữ của Lê Công Tuấn A; 17 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ; 01 tập giấy phôi tờ gồm 16 tờ; 02 bút bi, 01 máy tính nhãn hiệu Casio (Đã hỏng) của Âu Thị H; 02 quyển sổ; 02 quyển vở, trong đó 01 quyển bị cháy một nửa; 20 tờ giấy (Trong đó có 09 tờ giấy ghi nội dung vay, biên nhận vay tiền trả lại cho bị cáo Triệu Thị Th), 02 bì a vở, 04 tờ hóa đơn của Triệu Thị Th; 01 tờ giấy A4 có ghi nhiều con số của Đặng Thị Ph; 01 tờ giấy (bản cam kết), mặt sau có ghi nhiều con số; 1/2 tờ giấy A4, có ghi nhiều con số; 01 tập sổ mơ (sổ giải mã giấc mơ) gồm 28 tờ của Cao Thị V, xét thấy không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với tài khoản 86052050378..... tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th, số tiền 4.449.385 đồng và tài khoản: 866899999..... tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bắc Kạn của Lê Công Tuấn A, số tiền 91.440 đồng, xét thấy cần tiếp tục phong tỏa đối với hai tài khoản trên để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Đặng Thị Ph đã nộp theo Biên lai số: 03616 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Q đã nộp theo Biên lai số: 03613 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Cao Thị V đã nộp theo Biên lai số: 03617 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai số: 03611 ngày 07/5/2020 và 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai số: 03628 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Nông Thị B đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Biên lai số: 03615 ngày 22/5/2020 và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số: 03626 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Âu Thị H đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: 03614 ngày 22/5/2020 và 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo biên lai số: 03625 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th đã nộp để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: 03612 ngày 11/5/2020 và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số: 03627 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Lương Thị X đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Lê Công Tuấn A đã nộp theo Biên lai số: 03618 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Vũ Duy B đã nộp theo Biên lai số: 03619 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

* Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, các bị cáo thỏa thuận cách thức đánh bạc bằng hình thức nhắn tin để đánh bạc và khi có kết quả xổ số mới đối chiếu thắng thua và thống nhất khi nào có tiền mới thanh toán, xét thấy cần phải truy thu để nộp sung quỹ nhà nước, cụ thể đối với từng bị cáo như sau:

1. Lê Công Tuấn A: Truy thu số tiền 3.000.000 đồng là số tiền thực tế bị cáo B trả cho Tuấn A.

2. Vũ Duy B: Truy thu số tiền 21.900.000 đồng là số tiền bị cáo mua số lô, số đề với bị cáo Tuấn A vào ngày 23/8/2019.

3. Nguyễn Thị Q: Truy thu tổng số tiền 14.143.000 đồng là tiền bị cáo mua số lô, số đề trái phép trong ngày 23/8/2019.

4. Truy thu số tiền Triệu Thị Th chưa trả thưởng cho Âu Thị H: Tổng số tiền truy thu là: 91.000.000 đồng

Quá trình đánh bạc Th đã trả cho H số tiền mà H thắng đề 5.000.000 đồng và ngược lại H cũng đã trả cho Th số tiền H thua đề 5.000.000 đồng, do vậy số tiền truy thu của Th không thay đổi.

5. Âu Thị H:

- Truy thu số tiền Âu Thị H mua số lô, số đề với Triệu Thị Th (H chưa thanh toán cho Th): Tổng cộng là 179.371.500 đồng.

Quá trình đánh bạc H đã trả cho Th số tiền H thua đề 5.000.000 đồng và ngược lại Th đã trả cho H số tiền H thắng đề 5.000.000 đồng, do vậy số tiền truy thu của H không thay đổi.

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Đặng Thị Ph: Tổng số tiền là: 114.700.000 đ

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Lương Thị X: Tổng số tiền là: 52.600.000đ

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Cao Thị V: Tổng số tiền là: 64.250.000đ, Âu Thị H đã nhận với Cao Thị V số tiền 4.800.000 đồng V thua lô, đề do đó số tiền truy thu của H là: $64.250.000 + 4.800.000 = 69.050.000$ đồng.

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Nông Thị B: Tổng số tiền là: 34.700.000đ, Âu Thị H đã nhận với Nông Thị B số tiền 8.000.000 đồng (là tiền B thua lô đề) và ngược lại được trả 01 lần cho B số tiền B thắng đề 10.000.000 đồng. Do đó số tiền truy thu của H là: $34.700.000 + 8.000.000 - 10.000.000 = 32.700.000$ đồng.

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Lê Thị H: 1.600.000 đồng.

Tổng số tiền phải truy thu của Âu Thị H là: $179.371.500đ + 114.700.000đ + 52.600.000đ + 69.050.000đ + 32.700.000đ + 1.600.000đ = 450.021.500$ đồng

6. Truy thu số tiền Nông Thị B mua số lô, số đề với Âu Thị H (B chưa thanh toán cho H). Tổng số tiền là: 79.240.000 đồng, Nông Thị B đã nhận của Âu Thị H 01 lần số tiền 10.000.000 và được trả cho H 01 lần số tiền 8.000.000 đồng. Do đó số tiền truy thu của Nông Thị B là: $79.240.000 + 10.000.000 - 8.000.000 = 81.240.000$ đồng.

7. Truy thu số tiền Đặng Thị Ph mua số lô, số đề với Âu Thị H (Ph chưa thanh toán cho H). Tổng số tiền là: 166.475.000 đồng

8. Truy thu số tiền Cao Thị V mua số lô, số đề với Âu Thị H (V chưa thanh toán cho H): Tổng số tiền là: 84.290.000 đồng, Cao Thị V đã thanh toán tiền mua số lô, số đề với Âu Thị H số tiền 4.800.000 đồng. Do đó số tiền truy thu của Cao Thị V là: $84.290.000 - 4.800.000 = 79.490.000$ đồng.

9. Truy thu số tiền Lương Thị X mua số lô, số đề với Âu Thị H (X chưa thanh toán cho H): Tổng số tiền truy thu của Lương Thị X là: 61.730.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Thị B cho rằng: Về tội danh và về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên, xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, trình độ nhận thức và hiểu biết về pháp luật còn thấp. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt thấp nhất, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các biên bản lời khai của các bị cáo, những người làm chứng và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa: Hồi 17 giờ 40 phút ngày 23/8/2019, tại T 7, thị

trần Ch, huyện B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện và lập biên bản đối với Nguyễn Thị Q đang có hành vi ghi (bán) số lô, số đề trái phép cho Mông Văn G (sinh năm 1972. Trú tại thôn P, xã Th, huyện B). Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi số lô, số đề, cụ thể như sau:

Đối với Triệu Thị Th: Số tiền đánh bạc bằng hình thức ghi lô, đề ngày 21/8/2019 là 86.587.500 đồng; ngày 22/8/2019 là 141.470.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 49.691.000 đồng.

Đối với Âu Thị H: Số tiền đánh bạc ngày 09/8/2019 là 28.430.000 đồng; ngày 11/8/2019 là 59.845.000 đồng; ngày 14/8/2019 là 35.275.000 đồng; ngày 15/8/2019 là 23.120.000 đồng; ngày 18/8/2019 là 52.430.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 62.370.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 113.485.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 204.482.500 đồng; ngày 22/8/2019 là 241.740.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 124.186.000 đồng.

Đối với Lương Thị X: Số tiền đánh bạc là 11/8/2019 là 9.740.000 đồng; ngày 18/8/2019 là 6.850.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 16.800.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 54.900.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 12.600.000 đồng.

Như vậy hành vi của các bị cáo Triệu Thị Th, Âu Thị H và Lương Thị X đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Công Tuấn A: Số tiền đánh bạc ngày 23/8/2019 là 31.229.000 đồng.

Đối với Vũ Duy B: Số tiền đánh bạc ngày 23/8/2019 là 21.900.000 đồng.

Đối với Nông Thị B: Số tiền đánh bạc ngày 21/8/2019 là 33.030.000 đồng; ngày 22/8/2019 là 46.910.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 36.910.000 đồng.

Đối với Đặng Thị Ph: Số tiền đánh bạc ngày 09/8/2019 là 26.790.000 đồng; ngày 11/8/2019 là 33.925.000 đồng; ngày 14/8/2019 là 23.572.000 đồng; ngày 18/8/2019 là 39.000.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 23.320.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 29.965.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 46.475.000 đồng; ngày 22/8/2019 là 37.200.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 20.925.000 đồng.

Đối với Cao Thị V: Số tiền đánh bạc ngày 11/8/2019 là 16.180.000 đồng; ngày 14/8/2019 là 9.300.000 đồng; ngày 15/8/2019 là 23.120.000 đồng; ngày 19/8/2019 là 18.610.000 đồng; ngày 20/8/2019 là 28.620.000 đồng; ngày 21/8/2019 là 23.750.000 đồng; ngày 22/8/2019 là 12.200.000 đồng; ngày 23/8/2019 là 11.900.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Q: Số tiền đánh bạc ngày 23/8/2019 là 14.363.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Công Tuấn A, Vũ Duy B, Nông Thị B, Đặng Thị Ph, Cao Thị V và Nguyễn Thị Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi mua, bán số lô, số đề của các bị cáo là hành vi đánh bạc, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa và làm phát sinh ra các tệ nạn xã hội khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, do vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, như vậy mới đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, kết cấu chặt chẽ nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

+ Đối với bị cáo Triệu Thị Th: Tình tiết tăng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là ông Triệu Thanh V là Liệt sĩ, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, theo quy định tại Điều 54/BLHS thì có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Âu Thị H: Tình tiết tăng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Ngoài ra, bị can Âu Thị H có bố là Âu Văn L được nhà nước tặng Bằng Khen trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, theo quy định tại Điều 54/BLHS thì có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Lương Thị X: Tình tiết tăng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, theo quy định tại Điều 54/BLHS thì có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Nông Thị B: Tình tiết tăng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Đặng Thị Ph: Tình tiết tăng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Cao Thị V: Tình tiết tăng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng đó là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Lê Công Tuấn A: Tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn

năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

+ Đối với bị cáo Vũ Duy B: Tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, theo quy định tại Điều 36/BLHS về Cải tạo không giam giữ, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, xét thấy việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là không có tính khả thi, nên không cần thiết áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Q: Tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội mà xử phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại Điều 35/BLHS, mà vẫn đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B có thu giữ:

- 01 điện thoại SAMSUNG màu đen và 01 điện thoại Iphone màu đen, đều đã qua sử dụng; số tiền 5.251.000 đồng; 12 sổ ghi chép có ghi nhiều chữ và số; 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu ASUS, máy đã qua sử dụng của Lê Công Tuấn A.

- 17 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ; 01 tập giấy phô tô gồm 16 tờ; 02 bút bi; 01 điện thoại SAMSUNG và 01 điện thoại Vivo màu đen; 01 máy tính nhãn hiệu Casio của Âu Thị H

- 02 quyển sổ; 02 quyển vở, trong đó 01 quyển bị cháy một nửa; 20 tờ giấy (Trong đó có 09 tờ giấy ghi nội dung vay, biên nhận vay tiền của Triệu Thị Th), 02 bìa vở, 04 tờ hóa đơn, 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia có bàn phím màu trắng, đen; số tiền 1.240.000 đồng của Triệu Thị Th.

- 01 điện thoại Vivo màu xanh đen và 01 điện thoại Masstel có bàn phím; số tiền 5.060.000 đồng của Nông Thị B.

- 01 điện thoại Realme và số tiền 220.000 đồng của Nguyễn Thị Q.

- 01 điện thoại OPPO màu đen của Vũ Duy B.

- 01 điện thoại OPPO màu vàng đồng; 01 tờ giấy A4 có ghi nhiều con số của Đặng Thị Ph.

- 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh có bàn phím; 01 tờ giấy (bản cam kết), mặt sau có ghi nhiều con số; ½ tờ giấy A4, có ghi nhiều con số; 01 tập sổ mơ (sổ giải mã giấc mơ) gồm 28 tờ của Cao Thị V.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG J7 prime màu vàng gold, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Phan Văn Th.

- Phong tỏa tài khoản 86052050378..... tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th, số tiền 4.449.385 đồng và tài khoản: 8668999999.... tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bắc Kạn của Lê Công Tuấn A số tiền 91.440 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy,

- Đối với 01 điện thoại SAMSUNG màu đen và 01 điện thoại Iphone màu đen, đều đã qua sử dụng của Lê Công Tuấn A; 01 điện thoại SAMSUNG của Âu Thị H; 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia có bàn phím màu trắng, đen của Triệu Thị Th; 01 điện thoại Vivo màu xanh đen và 01 điện thoại Masstel có bàn phím màu đỏ đen của Nông Thị B; 01 điện thoại Realme màu xanh đen, màn hình cảm ứng của Nguyễn Thị Q; 01 điện thoại OPPO màu đen của Vũ Duy B; 01 điện thoại OPPO màu vàng đồng của Đặng Thị Ph; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh có bàn phím của Cao Thị V đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu để hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu ASUS, máy đã qua sử dụng và số tiền 5.251.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) của Lê Công Tuấn A không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Đối với số tiền 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), 09 tờ giấy ghi nội dung vay, biên nhận vay tiền của Triệu Thị Th không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy đối với số tiền 1.240.000đ cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

-Đối với 01 điện thoại Vivo màu đen của Âu Thị H không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Đối với số tiền 5.060.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) của Nông Thị B không liên quan đến vụ án, do vậy trả lại cho bị cáo, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Đối với số tiền 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) của Nguyễn Thị Q đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG J7 prime màu vàng gold, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Phan Văn Th, xét thấy cần trả lại cho Phan Văn Th.

- Đối với 12 sổ ghi chép có ghi nhiều chữ của Lê Công Tuấn A; 17 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ; 01 tập giấy phôi tờ gồm 16 tờ; 02 bút bi, 01 máy tính nhãn hiệu Casio của Âu Thị H; 02 quyển sổ; 02 quyển vở, trong đó 01 quyển bị cháy một nửa; 20 tờ giấy (Trong đó có 09 tờ giấy ghi nội dung vay, biên nhận vay tiền của Triệu Thị Th trả lại cho bị cáo), 02 bìa vở, 04 tờ hóa đơn của Triệu Thị Th; 01 tờ giấy A4 có ghi nhiều con số của Đặng Thị Ph; 01 tờ giấy (bản cam kết), mặt sau có ghi nhiều con số; ½ tờ giấy A4, có ghi nhiều con số; 01 tập sổ mơ (sổ giải mã giấc mơ) gồm 28 tờ của Cao Thị V, xét thấy không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với tài khoản 86052050378.... tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th, số tiền 4.449.385 đồng và tài khoản: 866899999.... tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bắc Kạn của Lê Công Tuấn A, số tiền 91.440 đồng, xét thấy cần tiếp tục phong tỏa đối với hai tài khoản trên, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Triệu Thị Th và Lê Công Tuấn A.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Đặng Thị Ph đã nộp theo Biên lai số: 03616 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Q đã nộp theo Biên lai số: 03613 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Cao Thị V đã nộp theo Biên lai số: 03617 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai số: 03611 ngày 07/5/2020 và 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai số: 03628 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Nông Thị Bút đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Biên lai số: 03615 ngày 22/5/2020 và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số: 03626 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Âu Thị H đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: 03614 ngày 22/5/2020 và 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo biên lai số: 03625 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: 03612 ngày 11/5/2020 và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số: 03627 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Lương Thị X đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Lê Công Tuấn A đã nộp theo Biên lai số: 03618 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Vũ Duy B đã nộp theo Biên lai số: 03619 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[7] Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, các bị cáo thỏa thuận cách thức đánh bạc bằng hình thức nhắn tin để đánh bạc và khi có kết quả số xố mới đối chiếu thắng thua và thống nhất khi nào có tiền mới thanh toán, xét thấy cần phải truy thu để nộp sung quỹ nhà nước, cụ thể đối với từng bị cáo như sau:

1. Lê Công Tuấn A: truy thu số tiền 3.000.000 đồng là số tiền thực tế bị cáo B trả cho Tuấn A.

2. Vũ Duy : Truy thu số tiền 21.900.000 đồng là số tiền bị cáo mua số lô, số đề với bị cáo Tuấn A vào ngày 23/8/2019.

3. Nguyễn Thị Q: Truy thu tổng số tiền 14.143.000 đồng là tiền bị cáo mua số lô, số đề trái phép trong ngày 23/8/2019, trong đó số tiền bị cáo mua số lô, số đề với bị cáo Lê Công Tuấn A là 4.769.000 đồng, mua với bị cáo Triệu Thị Th là 4.687.000 đồng, mua với bị cáo Âu Thị H là 4.687.000 đồng.

4. Truy thu số tiền Triệu Thị Th chưa trả thưởng cho Âu Thị H :

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 40.600.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 50.400.000 đồng.

- Tổng số tiền truy thu là: 91.000.000 đồng

Quá trình đánh bạc Th đã trả cho H số tiền mà H thắng đề 5.000.000 đồng và ngược lại H cũng đã trả cho Th số tiền H thua đề 5.000.000 đồng, do vậy số tiền truy thu của Th không thay đổi.

5. Âu Thị H:

- Truy thu số tiền Âu Thị H mua số lô, số đề với Triệu Thị Th (Huyền chưa thanh toán cho Th) :

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 45.147.500 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 89.220.000 đồng.

+ Ngày 23/8/2019 số tiền 45.004.000 đồng.

Tổng cộng là 179.371.500 đồng

Quá trình đánh bạc H đã trả cho Th số tiền H thua đề 5.000.000 đồng và ngược lại Th đã trả cho H số tiền H thắng đề 5.000.000 đồng, do vậy số tiền truy thu của H không thay đổi.

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Đặng Thị Ph:

+ Ngày 09/8/2019 số tiền 10.400.000 đồng.

+ Ngày 11/8/2019 số tiền 17.500.000 đồng.

+ Ngày 14/8/2019 số tiền 11.600.000 đồng.

+ Ngày 18/8/2019 số tiền 22.400.000 đồng.

+ Ngày 19/8/2019 số tiền 3.500.000 đồng.

+ Ngày 20/8/2019 số tiền 16.350.000 đồng.

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 15.850.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 17.100.000 đồng

Tổng cộng là 114.700.000 đ

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Lương Thị X:

+ Ngày 11/8/2019 số tiền 8.600.000 đồng.

+ Ngày 20/8/2019 số tiền 36.000.000 đồng.

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 8.000.000 đồng.

Tổng cộng là 52.600.000đ

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Cao Thị V:

+ Ngày 11/8/2019 số tiền 5.200.000 đồng.

+ Ngày 14/8/2019 số tiền 4.000.000 đồng.

+ Ngày 15/8/2019 số tiền 12.000.000 đồng

+ Ngày 18/8/2019 số tiền 1.850.000 đồng.

+ Ngày 19/8/2019 số tiền 11.200.000 đồng.

+ Ngày 20/8/2019 số tiền 16.000.000 đồng.

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 9.200.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 4.800.000 đồng.

Tổng cộng là 64.250.000đ

Âu Thị H đã nhận với Cao Thị V số tiền 4.800.000 đồng V thua lô, đề do đó số tiền truy thu của H là: $64.250.000 + 4.800.000 = 69.050.000$ đồng.

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Nông Thị B:

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 9.200.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 25.500.000 đồng

Tổng cộng là 34.700.000đ

Âu Thị H đã nhận với Nông Thị B số tiền 8.000.000 đồng (là tiền B thua lô đề) và ngược lại được trả 01 lần cho B số tiền B thắng đề 10.000.000 đồng.

Do đó số tiền truy thu của H là: $34.700.000 + 8.000.000 - 10.000.000 = 32.700.000$ đồng.

- Truy thu số tiền Âu Thị H chưa trả thưởng cho Lê Thị H: Ngày 21/8/2019 số tiền 1.600.000 đồng.

Tổng số tiền phải truy thu của Âu Thị H là: $179.371.500đ + 114.700.000đ + 52.600.000đ + 69.050.000đ + 32.700.000đ + 1.600.000đ = 450.021.500$ đồng.

6. Truy thu số tiền Nông Thị B mua số lô, số đề với Âu Thị H (B chưa thanh toán cho H).

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 23.830.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 21.410.000 đồng.

+ Ngày 23/8/2019 số tiền 34.000.000 đồng

Tổng số tiền là: 79.240.000 đồng, Nông Thị B đã nhận của Âu Thị H 01 lần số tiền 10.000.000 và được trả cho H 01 lần số tiền 8.000.000 đồng.

Do đó số tiền truy thu của Nông Thị B là: $79.240.000 + 10.000.000 - 8.000.000 = 81.240.000$ đồng.

7. Truy thu số tiền Đặng Thị Ph mua số lô, số đề với Âu Thị H (Ph chưa thanh toán cho H).

+ Ngày 09/8/2019 số tiền 16.390.000 đồng.

+ Ngày 11/8/2019 số tiền 16.425.000 đồng.

+ Ngày 14/8/2019 số tiền 11.975.000 đồng.

+ Ngày 18/8/2019 số tiền 16.600.000 đồng.

+ Ngày 19/8/2019 số tiền 19.820.000 đồng.

+ Ngày 20/8/2019 số tiền 13.615.000 đồng.

+ Ngày 21/8/2019 số tiền 30.625.000 đồng.

+ Ngày 22/8/2019 số tiền 20.100.000 đồng

+ Ngày 23/8/2019 số tiền 20.925.000 đồng

Tổng số tiền là: 166.475.000 đồng

8. Truy thu số tiền Cao Thị V mua số lô, số đề với Âu Thị H (V chưa thanh toán cho H):

+ Ngày 11/8/2019 số tiền 10.980.000 đồng.

+ Ngày 14/8/2019 số tiền 5.300.000 đồng.

+ Ngày 15/8/2019 số tiền 11.120.000 đồng

- + Ngày 18/8/2019 số tiền 3.010.000 đồng.
- + Ngày 19/8/2019 số tiền 7.410.000 đồng.
- + Ngày 20/8/2019 số tiền 12.620.000 đồng.
- + Ngày 21/8/2019 số tiền 14.550.000 đồng.
- + Ngày 22/8/2019 số tiền 7.400.000 đồng.
- + Ngày 23/8/2019 số tiền 11.900.000 đồng

Tổng số tiền là 84.290.000 đồng, Cao Thị V đã thanh toán tiền mua số lô, số đề với Âu Thị H số tiền 4.800.000 đồng.

Do đó số tiền truy thu của Cao Thị V là: $84.290.000 - 4.800.000 = 79.490.000đ$.

9. Truy thu số tiền Lương Thị X mua số lô, số đề với Âu Thị H (X chưa thanh toán cho H):

- + Ngày 09/8/2019 số tiền 1.640.000 đồng
 - + Ngày 11/8/2019 số tiền 1.140.000 đồng.
 - + Ngày 14/8/2019 số tiền 2.200.000 đồng;
 - + Ngày 18/8/2019 số tiền 6.850.000 đồng
 - + Ngày 19/8/2019 số tiền 16.800.000 đồng
 - + Ngày 20/8/2019 số tiền 18.900.000 đồng.
 - + Ngày 21/8/2019 số tiền 4.600.000 đồng.
 - + Ngày 22/8/2019 số tiền 4.650.000 đồng
 - + Ngày 23/8/2019 số tiền 4.950.000 đồng
- Tổng số tiền truy thu của Lương Thị X là: 61.730.000 đồng.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nhằm mục đích thu lợi bất chính, cho nên cần áp dụng phạt tiền bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321/BLHS đối với các bị cáo để tăng tính răn đe và phòng ngừa.

[9] Trong vụ án có các đối tượng Triệu Văn B, sinh năm 1988, trú tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Lê Văn L, sinh năm 1968, Vũ Kim Tr, sinh năm 1983 và Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1989, cùng trú tại thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Trường Th, sinh năm 1979, trú tại thị trấn N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Tuấn Ư, sinh năm 1977, trú tại xã Ch, huyện M, thành phố Hà Nội; Hoàng Văn H, sinh năm 1986; Luân Văn V, sinh năm 1981 và Phan Văn Th, sinh năm 1986, cùng trú tại xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Lê Thị H, sinh năm 1981, trú tại thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, trú tại xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Hoàng Văn D, sinh năm 1974, trú tại xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Hoàng Văn Q, sinh năm 1982, trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Triệu Văn H, sinh năm 1972, trú tại xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Mông Văn

G, sinh năm 1972, trú tại xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện B xác định được những người này đều có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề trái phép với các bị cáo trong vụ án, nhưng số tiền không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự nên xem xét xử lý bằng biện pháp khác.

[10] Đối với các đối tượng Nguyễn Gia Q, sinh 1983, trú tại thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam; Lê Ngọc V, sinh 1980, trú tại xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (Q sử dụng số điện thoại 0867.680.656, V sử dụng số điện thoại 0971.561.888) là người mà bị cáo Lê Công Tuấn A khai là chủ lô đề, mà sau khi bán số lô, số đề trái phép cho người chơi, bị cáo Lê Công Tuấn A đã gửi tin nhắn đến các số điện thoại trên của Q hoặc V để mua lại. Quá trình điều tra đối tượng Nguyễn Gia Q không thừa nhận được dùng số điện thoại trên và cũng không thừa nhận được bán số lô, số đề trái phép cho Lê Công Tuấn A như Lê Công Tuấn A khai, tài liệu thu thập được xác định số thuê bao 0867.680.656 là thuê bao trả trước đăng ký tên Trần Văn Ng, sinh 1991, trú tại xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương; đối với Lê Ngọc V là chủ số thuê bao 0971.564.888, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng Lê Ngọc V không đến làm việc, nhiều lần xác minh tại địa phương đều không có mặt, Lê Ngọc V đi đâu, làm gì, chính quyền địa phương không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[11] Đối với Bùi Anh T, sinh 1985, trú tại phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn là người mà bị cáo Triệu Thị Th khai là chủ lô đề, sau khi bị cáo bán số lô, số đề trái phép cho người khác thì bị cáo nhắn tin vào số điện thoại 0369.587.293 để mua với Bùi Anh T; Bùi Anh T không thừa nhận được bán lô, đề cho Triệu Thị Th và không thừa nhận được sử dụng số thuê bao trên. Tài liệu thu thập được thể hiện số thuê bao 0369.587.293 là thuê bao trả trước đăng ký tên Bàn Văn Ph, sinh 1993, trú tại xã Tr, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn. Tài liệu thu thập được không đủ căn cứ chứng minh, xác định đối tượng trên là chủ lô đề để xử lý các đối tượng trong cùng vụ án, do vậy Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[12] Đối với các đối tượng sử dụng số điện thoại lưu trong danh bạ điện thoại của các bị cáo là Anh A, Ứng L, H, Nguyên N, Trương Pu l, Nghi hong t, người sử dụng số điện thoại 0346.658.060 và hai số điện thoại 0383.833.475, 0382.667.563 do không đủ căn cứ để chứng minh ai là người sử dụng những số điện thoại này để mua số lô, số đề với các bị cáo để xử lý trong cùng vụ án, do vậy Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với các đối tượng: Nông Thị T, sinh 1977, trú tại thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Triệu Thị D, sinh 1973, trú tại xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh 1983, trú tại thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Phan Văn Th, sinh 1986, trú tại xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Hoàng Mạnh Đ, sinh 1983, trú tại T 8, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xâm sát phạt nhau bằng tiền bị phát hiện, lập biên bản khi Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo Âu Thị H. Quá trình điều tra xác định hành

vì của các đối tượng không đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc vì số tiền dưới 5.000.000 đồng và các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự, nên Cơ quan điều tra đã chuyển vụ việc để xử lý hành chính.

[14] Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo Triệu Thị Th, Âu Thị H, Lương Thị X, Lê Công Tuấn A, Vũ Duy B (Th), Nông Thị B, Đặng Thị Ph, Cao Thị V và Nguyễn Thị Q phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 54/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Triệu Thị Th 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019) là 18 ngày, thời gian còn lại là 29 (Hai mươi chín) tháng 12 (Mười hai) ngày.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Triệu Thị Th 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 54/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Âu Thị H 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019) là 18 ngày, thời hạn còn lại là 29 (Hai mươi chín) tháng 12 (Mười hai) ngày.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Âu Thị H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; Điều 54/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Lương Thị X 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lương Thị X 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Nông Thị B 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019) là 18 ngày, thời hạn còn lại là 14 (Mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nông Thị B 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị Ph 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đặng Thị Ph 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Cao Thị V 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Cao Thị V 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Lê Công Tuấn A 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ 06 ngày (từ ngày 24/8/2019 đến 30/8/2019) là 18 ngày, thời hạn còn lại là 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Công Tuấn A 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Vũ Duy B (Th) 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”,

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vũ Duy B (Th) 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

* Miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35/BLHS.

- Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Q 35.000.000 đ (Ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu 01 điện thoại SAMSUNG màu đen và 01 điện thoại Iphone màu đen, đều đã qua sử dụng của Lê Công Tuấn A; 01 điện thoại SAMSUNG của Âu Thị H; 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia có bàn phím màu trắng, đen của Triệu Thị Th; 01 điện thoại Vivo màu xanh đen và 01 điện thoại Masstel có bàn phím màu đỏ đen của Nông Thị B; 01 điện thoại Realme màu xanh đen, màn hình cảm ứng của Nguyễn Thị Q; 01 điện thoại OPPO màu đen của Vũ Duy B; 01 điện thoại OPPO màu vàng đồng của Đặng Thị Ph; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh có bàn phím của Cao Thị V để hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Trả lại 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu ASUS, máy đã qua sử dụng và số tiền 5.251.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng) của Lê Công Tuấn A, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại số tiền 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), 09 tờ giấy ghi nội dung vay, biên nhận vay tiền của Triệu Thị Th, tạm giữ số tiền 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại 01 điện thoại Vivo màu đen của Âu Thị H, xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Trả lại số tiền 5.060.000đ (Năm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) của Nông Thị B, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu số tiền 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) của Nguyễn Thị Q để sung quỹ nhà nước.

- Trả lại 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG J7 prime màu vàng gold, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Phan Văn Th.

- Tịch thu 01 máy tính nhãn hiệu Casio của Âu Thị H đã hỏng; 12 sổ ghi chép có ghi nhiều chữ của Lê Công Tuấn A; 17 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ; 01 tập giấy phô tô gồm 16 tờ; 02 bút bi của Âu Thị H; 02 quyển sổ; 02 quyển vở, trong đó 01 quyển bị cháy một nửa; 11 tờ giấy, 02 bìa vở, 04 tờ hóa đơn của Triệu Thị Th; 01 tờ giấy A4 có ghi nhiều con số của Đặng Thị Ph; 01 tờ giấy (bản cam kết), mặt sau có ghi nhiều con số; ½ tờ giấy A4, có ghi nhiều con số; 01 tập sổ mơ (sổ giải mã giấc mơ) gồm 28 tờ của Cao Thị V, không có giá trị để tiêu hủy.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Đặng Thị Ph đã nộp theo Biên lai số: 03616 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Q đã nộp theo Biên lai số: 03613 ngày 22/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Cao Thị V đã nộp theo Biên lai số: 03617 ngày 26/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai số: 03611 ngày 07/5/2020 và 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai số: 03628 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Nông Thị B đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo Biên lai số: 03615 ngày 22/5/2020 và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai số: 03626 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Âu Thị H đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: 03614 ngày 22/5/2020 và 8.000.000đ (Tám triệu đồng) theo biên lai số: 03625 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th đã nộp để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: 03612 ngày 11/5/2020 và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số: 03627 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Lương Thị X đã nộp, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Lê Công Tuấn A đã nộp theo Biên lai số: 03618 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Vũ Duy B đã nộp theo Biên lai số: 03619 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 12/ 6 /2020).

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản: 86052050378.... tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Bắc Kạn của bị cáo Triệu Thị Th, số tiền 4.449.385 đồng và tài khoản: 866899999.... tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bắc Kạn bị cáo Lê Công Tuấn A, số tiền 91.440 đồng, để đảm bảo thi hành án.

* Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, cụ thể như sau:

- Truy thu của bị cáo Triệu Thị Th số tiền 91.000.000đ (Chín mươi một triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Âu Thị H số tiền 450.021.500đ (Bốn trăm năm mươi triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Lương Thị X số tiền 61.730.000đ (Sáu mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Nông Thị B số tiền 81.240.000đ (Tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Đặng Thị Ph số tiền 166.475.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Cao Thị V số tiền 79.490.000đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Lê Công Tuấn A số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Vũ Duy B (Th) số tiền 21.900.000đ (Hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Q số tiền 14.143.000đ (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí: Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Các bị cáo;NCQLLQ
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Hùng